



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE HOAI DUC
Last Middle First

Current Address: H1/13 Khóm Truông Tây Hải Vĩnh Nguyên Nha Trang

Date of Birth: 02/01/42 Place of Birth: Nha Trang

Previous Occupation (before 1975) Capt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/23/75 To 05/04/80
Years: 04 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Lê Minh Tâm
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ODP CHECK FORM

Date: 5/5/89

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: Lê Hoài Đức

Date of Birth: Feb. 01- 1942 Nha Trang

Address in VN 4/13 Khóm Trường Tây Hải Vĩnh Nguyên
Nha Trang

Spouse Name: Trần Thị Thảo

Number of Accompanying Relatives: _____

Reeducation Time: 7 Years _____ Months _____ Days

IV # _____

VEWL # _____

I-171 : _____ Yes; _____ No. - EXIT PERMIT: _____ Yes ; _____ No.

Special List # _____

Sponsor: Lê Minh Tâm

Remarks:
(From Mr. Sullivan)

Sincerely,

KHUC MINH THO

Tel. # 358-5154 (O) - 560-0058 (H)

0 0 0 5 7 8 2 2 5 5 2
SMSLD

hành theo công văn
số : 2565
Ngày 27-11-1972

G I A Y R A T R A I

- Theo thông tư số 966-ĐCA/TT ngày 31-05-1961 của Bộ Nội Vụ
- Thủ lệnh ấn văn quyết định tha số : 107/QĐ ngày 22 tháng 05-82 của Bộ Nội Vụ

NAY CẤP GIẤY THA CHO ANH CHỊ C² TÊN DƯỚI ĐÂY :

Họ và tên : Lê Hoài Đức

Họ tên thường gọi :

Họ tên bí danh :

Sinh ngày : 01-02-1912 (ngày mốt tháng hai năm một nghìn chín trăm hai)

Nơi đăng ký thường trú trước khi bị bắt : 74/16 TRƯỜNG TÁ VINH NGUYỄN

Nay về cư trú tại 41/13 Tu Do Vinh Nguyen Nha Trang Phu Khanh

Cán tại : Đại úy Sĩ Quan Ban 3

Đi bắt ngày 23-6-1975

án phạt : 15 năm

Theo quyết định án văn số : ngày tháng năm 19 của :

Đã bị giam án : lần công thành năm tháng

Đã được giam án : lần công thành năm tháng

NHAN XET QUA TRING CAI TAO

Quan cho 12 tháng

ngày 04 Tháng 01 Năm 1982

Lưu tay bên trái của

Người được cấp giấy GIẤY THA

LE HOAI DUC

Trưng ta (đã ký)

DANH BÀN SỐ 7352

LAM TAI QUAN PHAP

LE HOAI DUC TRINH VAN THICH

SAC Y BAN CHINH
XAC NHAN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH

KỶ VĂN MƯỜI

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: July 19, 1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120



A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : ĐỨC LÊ HOÀI Sex: MALE / Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : NO
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : FEBRUARY 1st 1942 TRƯỜNG TÂY VINH NGUYỄN - NHATRANG
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 41/13 KINH TRƯỜNG TÂY HẢI - VINH NGUYỄN - NHATRANG - VIET NAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 41/13 KINH TRƯỜNG TÂY HẢI - VINH NGUYỄN - NHATRANG - VIET NAM
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : UNEMPLOYMENT

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship, Liên-hệ gia-đình
1. <u>THAO TRẦN THỊ</u>	<u>JUNE 02 1952</u>	<u>VINH NGUYỄN, NHATRANG, PHU QUANG</u>	<u>FEMALE</u>	<u>MARRIED</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>MINH LÊ HOÀI ĐIỀN</u>	<u>FEBRUARY 28 1975</u>	<u>THẠCH ANH TÂY</u>	<u>MALE</u>	<u>(S)</u>	<u>CHILDREN (SON)</u>
3. <u>KHANH LÊ THỊ VÂN</u>	<u>APRIL 30 1977</u>	<u>VINH NGUYỄN</u>	<u>FEMALE</u>	<u>(S)</u>	<u>DAUGHTER</u>
4. <u>KHANH LÊ THỊ PHƯƠNG</u>	<u>MARCH 13 1981</u>	<u>VINH NGUYỄN, NHATRANG</u>	<u>FEMALE</u>	<u>(S)</u>	<u>DAUGHTER</u>
5. <u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
6. <u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
7. <u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
8. <u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
9. <u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
10. <u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
11. <u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
12. <u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : TÂM LÊ MINH

GIỎ TRẦN THỊ

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : YOUNGER BROTHER

OLDER SISTER
348 HAUTHORNE

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : 1981

1978

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác.

a. Name
Họ, tên : THỎ LÊ THỊ THANH

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : NIECE (DAUGHTER OF MY BROTHER)

c. Address
Địa-chỉ : KOKUSAI KYUEN CENTER
3-2-1 Yashio Shinagawa
KI TOKYO JAPAN

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : HẠCH LÊ (DEAD)

2. Mother
Mẹ : TU NGUYEN THI (LIVING)

3. Spouse
Vợ/Chồng : THAO TRẦN THỊ

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): AN ĐÀO THỊ

5. Children
Con cái: (1) MINH LÊ HOÀI ĐIỀN
(2) KHOA LÊ THỊ LAN
(3) KHOA LÊ THỊ PHƯƠNG
(4) _____
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

6. Siblings
Anh chị em: (1) NGOC LÊ HOAI (OLDER BROTHER)
(2) TÂM LÊ MINH (YOUNGER BROTHER)
(3) _____
(4) _____
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: ĐỨC LÊ HOÀI

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ NOVEMBER 23 1963 Đến APRIL 30 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : CAPTAIN Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 62/417508

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-vị Binh-Chung : 5th BATTALION MARINE CORP VN

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : GENERAL BUI THE LAN LIEUTENANT COLONEL

- NGUYỄN VĂN PHÓN
- ĐỖ HỮU TUNG
- HỒ QUANG LỊCH

24 1 25 12

Ngày 31 tháng 05 năm 1956.

LENN • TNA

QIAN BÜG GÖNG AN SİMA FNU KİMİZE

- Ông bị người được tin bắt tại Trại ngày 03, tháng 6 năm 1961 tại Ủy Ban
Thường Vụ Quốc Hội: Thông tư số 131/CP ngày 4 tháng 6 năm 1961, nghị định số 104/CP
ngày 01 tháng 10 năm 1973 của Hội đồng Chính phủ.

Thủ tướng quyết định số 05, ngày 11 tháng 2 năm 1973 của Ủy ban nhân dân Việt Nam thành lập và tổ chức tại Bộ giáo dục và đào tạo để nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

XÉT: QUẢ TRÚY HỒG TÂP GÂI TÂO

207-3493 201, 202-4192 200-13

~~Page 61~~

DA LITH CHA

ĐƠN TÊN : LƯU HÒA AN QUÂN AI DẠNG :

Sinh ngy : Thng : 1942
 Gao tica : Viot Hoa : Daa taa : Binh : Ton gao :
 Sinh Gao :

1/1/79 Training Toy NGL, Khanh Vinh Nguyen, Nha Trang, Nha Khanh.

Đã có hình ảnh : Tô chĩa tay đi như người.

Ngày 05 tháng 05 năm 1986

Ngày 20/01/2018, tại Văn phòng UBND Huyện, Ủy ban nhân dân xã đã họp và quyết định như sau:

(Giáo cho các em quyền địa phương quản lý các em từ 20 tuổi)

Đầu và các phương diện của phát triển kinh tế xã hội của nước ta đang đạt được những thành tựu đáng kể, đang trở nên hiện đại và tiến bộ hơn ngày càng nhiều.

ĐIỂM MẠNH TRONG CÔNG

[illegible]

Abstract

23 OCT 1967

2000 10 10

Tỉnh, Thành phố
PHÚ CHÁNH
Quận, Huyện
NHA TRANG
Xã, Phường
VĨNH NGUYỄN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐÀ LẠT KỶ

Quyền số 01
Số 859

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ TRẦN THỊ THẢO

Sinh ngày 02 - 06 - 1952

Quê quán VĨNH NGUYỄN NHA TRANG

Nơi đăng ký thường trú 184 TRẦN PHÚ

VĨNH NGUYỄN NHA TRANG

Nghề nghiệp LƯU TÚC

Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

Số CMND hoặc Hộ chiếu 82008P130

Họ và tên người chồng LÊ HOÀI ĐỨC

Sinh ngày 01 - 02 - 1952

Quê quán VĨNH NGUYỄN NHA TRANG

Nơi đăng ký thường trú 41/13 TRẦN PHÚ

VĨNH NGUYỄN NHA TRANG

Nghề nghiệp Lao Động

Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

Số CMND hoặc Hộ chiếu

Kết hôn ngày 21 tháng 7 năm 1988

Chữ ký người vợ

Thảo

Chữ ký người chồng

Đức

TM/UBND PHƯỜNG VĨNH NGUYỄN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn...



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 220088830

Họ tên: TRẦN THỊ THẢO

Sinh ngày: 02-06-1952

Nguyên quán: Vĩnh Nguyên,
Nha Trang, Phú Khánh.

Nơi thường trú: 184E, Tự Do,
Nha Trang, Phú Khánh.

		NGÓN TRÓ PHẢI	
		NGÓN TRÓ TRÁI	
DẤU VẾT MIỆNG HOẶC DỊ HÌNH			
Số chấm cách lêng đượt sau mạp trái:			
Phật Giáo		Danh tộc: Kinh	

(trang 2)

Căn cứ vào điều 25, 31, 32 và 33 luật hôn nhân và gia đình .

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thảo và anh Lê Đình Ngọc .

Chị Thảo tiếp tục nuôi 2 con chung Lê Thị Văn Khánh sinh năm 1977 và Lê Thị Phương Khanh sinh năm 1981. Anh Ngọc góp phần nuôi con cho chị Thảo 150đ/tháng kể từ tháng 12 năm 1986 đến khi con trưởng thành và được quyền qua lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Số tiền trên hàng tháng anh Ngọc trực tiếp giao cho chị Thảo nhận .

Chị Thảo và anh Ngọc mỗi người phải chịu 15đ tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, nhưng được tính cho chị Thảo trong 30đ chị tạm nộp trước và hoàn trả lại cho chị Thảo 15đ.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định .

/)/ hạ Trang, ngày 23 tháng 12 năm 1986

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Thẩm Phán

(Đã ký và đóng dấu)

VÕ THỊ NGÀ

SAO Y BẢN CHÍNH

(/ Tỉnh Nguyễn, ngày 21 tháng 7 năm 1988

Tm. UBND PHƯỜNG

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hằng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG**

Quyết định số: 278
Ngày 11/12/1986
Thủ lý số: 242
Ngày 30/10/1986.

**Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc**

**Q U Y Ế T Đ Ị N H
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**

Hôm nay ngày 11 tháng 12 năm 1986 tại trụ sở Tòa Án Nhân Dân Thành Phố Nha Trang do bà Võ Thị Nga tham phán đại diện xét - việc thuận tình ly hôn giữa:

- Ch. TRẦN THỊ THẢO 34 tuổi, nghề nghiệp Uốn tóc. Trú 41/19 khóm Tây Hải, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang;
- và Anh LÊ ĐÌNH NGỌC 32 tuổi, nghề nghiệp Nhép Ảnh. Trú 184E Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Hai bên đều có mặt.

/)/ Q Ị DUNG SỰ VIỆC NHƯ SAU

Theo lời trình bày của Ch. Trần Thị Thảo thì xây dựng với Anh Lê Đình Ngọc ngày 12/10/1976 do tự nguyện có đăng ký kết hôn. Có 2 con chung Lê Thị Văn Khanh sinh năm 1977 và Lê Thị Phương Khanh sinh năm 1981.

Hai người chung sống với nhau cho đến năm 1982 thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh Ngọc đi ngoại tình với cô Trương Thị Ngọc Anh. Anh Ngọc có đưa cô Anh về ăn ở trong nhà. Anh theo trách nhiệm với mẹ con chị Thảo. Việc này anh Ngọc cũng chấp nhận, anh có quan hệ với chị. Anh đã ba năm nay, chính quyền địa phương và các đoàn thể đã giáo dục giúp đỡ nhiều lần nhưng không đem lại kết quả. Từ đó mâu thuẫn ngày càng càng tăng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hoàn toàn không đạt được. Và trước tòa hôm nay hai bên vẫn yêu cầu Tòa Án công nhận việc thuận tình ly hôn là phù hợp với điều 25 luật hôn nhân và gia đình. Nên chấp nhận và thực tế hai bên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng gần bốn năm nay.

Về con chung, hai bên thỏa thuận chị Thảo tiếp tục nuôi 2 con chung lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 5 tuổi. Anh Ngọc cấp ph. tổn cho chị Thảo nuôi con 150đ/tháng.

Tại sản chung hai bên xác nhận không có gì nên Tòa không xét.

Căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn và sự tự nguyện giữa 2 bên.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ TƯ- PHÁP
SỞ TƯ- PHÁP HUẾ
TÒA HÒA GIẢI QUẢN Vĩnh - Xương

TÒA SƠ THẨM NHATRANG
TÒA HÒA GIẢI QUẢN Vĩnh - Xương

Việc số 232 /TPKS /6
Ngày 12 / 5 / 1953

BIÊN BẢN THẾ VÌ: KHAI - SƠN
của Đ - HỒI - HÚC

Năm một nghìn chín trăm ~~năm~~ ^{năm} mươi ~~năm~~ ^{năm} ngày mười hai tháng năm
hồi 10 giờ.

Trước mặt chúng tôi Phan - Đình - Sĩ

Quận-Trưởng kiêm Thẩm Phán Tòa Hòa-Giải Quản Vĩnh - Xương ngồi tại văn-
phòng có Ông, Nguyễn - Văn - Hùng thư-ký kiêm Lục-sự giúp việc
có Ông, Đã Nguyễn - Thị - Tư, 46 tuổi, nghề nghiệp Đầu bếp
chánh quán tại Tôn - Đình, Già - Đình, (Nam - Việt)

Miền lệ phí
nghi định ngày
17-11-1947

thẻ kiểm tra căn cước số 1213.000413, cấp tại Vĩnh-Xương ngày 17/8/1951
ngụ tại Thôn Trường-Tây, Xã Vĩnh-Huyền, Huyện Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa
đến trình-diện rằng hiện nay y không thể xin sao lục Khải - Sơn của Đ - HỒI - HÚC
của y được vì lẽ bản chính bị thất lạc và sổ bộ đã bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến tranh.

Nên yêu cầu bản Tòa bằng vào lời khai các nhân chứng sau đây, do y triệu
đến, để lập cho y biên bản thay thế chứng thư hộ-tịch nói trên.

Liên đó có đến trình diện :

- 1) Đ - HỒI - HÚC 50 tuổi nghề nghiệp Đầu bếp
chánh quán tại Thôn Trường-Tây, Xã Vĩnh-Huyền, Huyện Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa
thẻ kiểm tra căn cước số 901.000036 cấp tại Vĩnh-Xương ngày 17/8/1955
ngụ tại Thôn Trường-Tây, Xã Vĩnh-Huyền, Huyện Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa
- 2) Nguyễn - Văn - Hùng 40 tuổi nghề nghiệp Đầu bếp
chánh quán tại Thôn Trường-Tây, Xã Vĩnh-Huyền, Huyện Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa
thẻ kiểm tra căn cước số 0314.000174 cấp tại Vĩnh-Xương ngày 17/8/1955
ngụ tại Thôn Trường-Tây, Xã Vĩnh-Huyền, Huyện Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa
- 3) Nguyễn - Văn - Hùng 41 tuổi nghề nghiệp Đầu bếp
chánh quán tại Thôn Trường-Tây, Xã Vĩnh-Huyền, Huyện Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa
thẻ kiểm tra căn cước số 0314.000163 cấp tại Vĩnh-Xương ngày 17/8/1955
ngụ tại Thôn Trường-Tây, Xã Vĩnh-Huyền, Huyện Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa

Ba nhân chứng nói trên, sau khi nghe đọc các khoản trên đây và điều 337 Hoàng-Việt Hộ-luật phạt tội ngay chúng về việc họ (từ 1 năm tù hay phạt bạc từ 30\$ đến 120\$) đã tuyên-thệ và chứng thật có biết rằng:

L 2 - H O 1 I - 1 0 0

Sinh ngày một, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bốn mươi hai (1-2-1942)
tại Thôn Trướng-Tây, Xã Vĩnh-Nguyên, Huyện Vĩnh-Trương, Tỉnh Khánh-Hoa
là con của ông 12 - 1001 (2) và bà Nguyễn - Thị - Tư (3)

nhất là một. Và duyên-cớ mà đương sự không thể xin sao lục chứng-thư hộ-tích được là vì
bản-chánh đã bị thất lạc và sổ bộ bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến-tranh.

Bởi vậy Bản Tòa, chiếu theo sự kiện trên và các điều 47, 48 Hoàng-Việt Hộ-luật
lập biên bản thế vì ~~thực-trang~~ cho tên 12 - 1001 - 100

để ~~đề~~ tầy nghị hiện dụng, theo như đơn thỉnh cầu đã nộp tại bản Tòa ngày 9/3/1953

Sau khi đọc lại, đương sự và các nhân chứng đã ký tên dưới đây với chúng
tôi và Lục-sự.

Làm tại

Vĩnh - Trương

ngày, tháng, năm như trên.

Thư-ký kiêm Lục-Sự

Nguyễn - Thị - Tư

Nguyễn - Thị - Tư

Quản-Trưởng kiêm Thẩm-Phán

Nguyễn - Thị - Tư

Nguyễn - Thị - Tư

1 / 1001 - Nhượng-chứng-bằng

2 / 1001 - Nhượng-chứng-bằng

3 / 1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

1001 - Văn - 12 ký tên

Đương-sự,

Nguyễn - Thị - Tư ký tên

Duyệt tem và trước bạ tại Nha-trang

ngày tháng năm 19

Quận 10 15

Thu : Miễn thuế

CHỦ SỰ,

VU CHAU CHAU

Mẫu số : HT3/P2

Thành phố, Tỉnh

Phu Khanh

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số : 373

Quyển số : _____

Họ và tên	LÊ THỊ VĂN KHÁNH		Nam, Nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày, tháng, năm	ngày Ba Mươi, tháng Tư, năm Một Nghì Chín Trăm Bảy Mươi Bảy (30/4/1977)		
Nơi sinh	Nhà họ sinh từ Nguyễn Thị Giông Vĩnh Nguyên.		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LÊ ĐÌNH NGỌC 1954	TRẦN THỊ THẢO 1952	
Dân tộc, Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp	Công Nhân Tây Sơn	Thợ Lợp Tóc	
Nơi ĐKNK thường trú	184 - khóm Trương Tây Sơn	184 - khóm Trương Tây Sơn	
Họ tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Đình Ngọc, sinh năm 1954, hiện ngụ tại Khóm Trương Tây Sơn, Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Phú Khánh.		

ngày 10 tháng 05 năm 19 11

TM. U.S.N.D. *Robert Kennedy* ký tên đóng dấu

Đóng ký ngày 28 tháng 5 năm 1977

(Ký tên, đóng dấu chỉ rõ chức vụ)
Tm. UBHO PHONG VINH NGUYEN

Ủy Viên Thường Trực
(Đã ký và đóng dấu)
VÕ VĂN MƯỜI

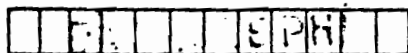


Wm. L. Black-Hill

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã, Thị trấn Vĩnh Nguyên Độc lập Tự Do Hạnh Phúc MÃ SỐ : HT3/P2
Thị xã, Quận Nha Trang
Thành phố, Tỉnh Phu Khanh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số : 930
Quyển số : 01



Họ và tên	<u>LÊ THỊ PHƯƠNG KHÁNH</u>	Nam, Nữ <u>NỮ</u>
Sinh ngày, tháng, năm	<u>ngày Mười Ba, tháng Ba, năm Một Nghìn Chín Trăm Tám Mười Một (13/3/1981)</u>	
Nơi sinh	<u>Trường Tây Sơn, Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Phu Khanh.</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>LÊ ĐÌNH NGỌC</u> <u>1954</u>	<u>TRẦN THỊ THẢO</u> <u>1952</u>
Dân tộc, Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Tổng Biên Xã Vĩnh</u>	<u>Thợ Dệt Dài</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Vĩnh Nguyên, Nha Trang.</u>	<u>Vĩnh Nguyên, Nha Trang.</u>
Họ tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Đình Ngọc, sinh năm 1954</u> <u>chủ ngụ tại: 181E Tự Do, Vĩnh Nguyên,</u> <u>Nha Trang, Phu Khanh.</u> <u>Số CMND: 220538553.</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
ngày 20 tháng 07 năm 19 81
TM. U.B.N.D. Vĩnh Nguyên Ký tên đóng dấu

ỦY VIÊN THU KÝ

Đóng ký ngày 12 tháng 4 năm 19 81

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)
TM. LÊ THỊ PHƯƠNG VĨNH NGUYỄN
ỦY VIÊN THU KÝ
(Đã ký và đóng dấu)
NGUYỄN VĂN KHAI

FREEDOM FLIGHT REFUGEE CENTER

GRAND RAPIDS AREA REFUGEE RESETTLEMENT

Rev. H. Schipper, Chairman
734 Alger, S.E.
Grand Rapids, MI 49507
Phone: 616/241-5985



CHURCH WORLD SERVICE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

YOUR NAME TAM LE M. DATE Aug 8 - 1988
DATE OF BIRTH 12 - 19 - 1945 US CITIZEN NUMBER _____
PLACE OF BIRTH NHATRANG VIETNAM PERMANENT RESIDENT ALIEN # 25284060
ADDRESS IN U.S.A. _____ PAROLEE (ALIEN #) _____
DATE OF ENTRY TO U.S. 11 - 12 - 1981

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the Column MS (marital status) indicate whether married, divorced, widowed, or never married, with the letter M, D, W, or NM. For all married relatives that you list, include the names of their spouses and children.

NAME (in natural order)	Date of Birth	Place of Birth	Sex	MS	Relationship to you
LE HOAI DUC	Feb 01 - 42	NHATRANG VN	M		Brother
TRAN THI THAO	June 02 1952	NHATRANG VN	F		Sister in law
LE MINH HOAI DIEN	Feb 28 - 1975	VN	M		Nephew
LE THI KHANH VAN	APRIL 30 - 1977	VN	F		Niece
LE THI KHANH PHUONG	MARCH 13 - 1981	VN	F		Niece

Present address(es) of these persons: _____

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Tam M

Signature of Applicant

Subscribed and sworn to before me this
8th day of August, 1988.

My commission expires: 7-13-92

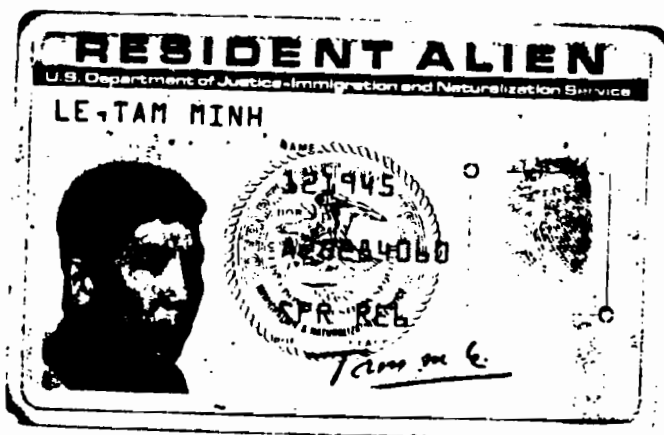
Marybelle H. Schipper
Signature of Notary

NOTE:

If you are a parolee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (parolee) I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) Green card to the complete affidavit.

FFTF: 10/86

MARYBELLE H. SCHIPPER
NOTARY PUBLIC - KENT COUNTY, MICH.
MY COMMISSION EXPIRES 7-13-92



FORM I-100 (Rev. 5-22-64)

ADDITIONAL DATE	CLASS	REG. CODE	EXPIRATION DATE	EXPIRATION DATE	EXPIRATION DATE
11/28/71	992	520	00027	00027	00027
2696094	269	075	12000	4609697	
DATE	CLASS	EXPIRATION DATE	EXPIRATION DATE	EXPIRATION DATE	EXPIRATION DATE
8/9/68	272	00212	61200	54582	94582
2524060	77	545	945	55901	

PERSON IDENTIFIED BY THIS CARD IS ENTITLED TO RESIDE PERMANENTLY AND WORK IN THE U.S.

ALIEN REGISTRATION RECEIPT CARD

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định số: 138
Ngày: 13/8/1982
Thủ lý số: 140
Ngày: 13/8/1982

VIỆN SỬ LẠC CÔNG AN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Hôm nay ngày 13 tháng 8 năm 1982 hội đồng xét xử tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang do bà Võ Thị Nga làm phiên tòa. Xét việc thụ lý hồ sơ vụ án:

- anh **LÊ HOÀI DỨC** 40 tuổi, nghề nghiệp chăn nuôi, trú tại 41, 13 Trưng Tây Hải-phước, Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang, có mặt.
- và chị **THỊ AN**, nghề nghiệp buôn bán, trú tại 7, 15 Khoa Tiến, Tây Sơn Vĩnh Nguyên Nha Trang, có mặt.

anh DỨC với chị AN lấy nhau năm 1966 do tự nguyện, có đăng ký hôn thú tại làng Trưng Tây, nay là Ủy ban Nhân dân Phường, Vĩnh Nguyên, có 4 con chung tên: **LÊ NHẬT TRIỂN** sinh 1968, **LÊ NHẬT THỨC** sinh 1969, **LÊ NHẬT PHƯƠNG** sinh năm 1972, **LÊ HOÀI MIỀN** sinh năm 1975. Qua trình vụ chồng chồng rất là hạnh phúc. Năm 1975 anh DỨC đi học, tạm thời gian, ở trong trại cải tạo của 7 năm thì bị xử phạt tù 1 năm, anh DỨC cho rằng trong thời gian này chị AN có quan hệ bất chính, tình cảm không lành mạnh với 1 vài tài xế và xảy ra sự kiện, việc không hay, nay anh xét thấy vợ chồng sao có thể sống chung với nhau, thấy tình cảm lúc này anh DỨC đi, tại nơi đó không sao, anh, xin ly hôn. Về phía chị AN cũng rất thấy vợ chồng anh DỨC tự nguyện chia tay, ly hôn. Hội đồng xét xử thụ lý hồ sơ vụ án 2 người.

Về con chung: anh DỨC xin nuôi 3 con: **LÊ NHẬT TRIỂN**, **LÊ NHẬT PHƯƠNG** và **LÊ HOÀI MIỀN**. Anh AN xin nuôi 1 con là **LÊ NHẬT THỨC**. Không nên bảo vệ quyền nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

- Căn cứ sự thụ lý hồ sơ vụ án **LÊ HOÀI DỨC** và chị **THỊ AN**.
- Căn cứ vào thời gian về con chung.
- Căn cứ vào điều kiện, 2 vợ chồng nên nuôi con chung.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG
QUYẾT ĐỊNH

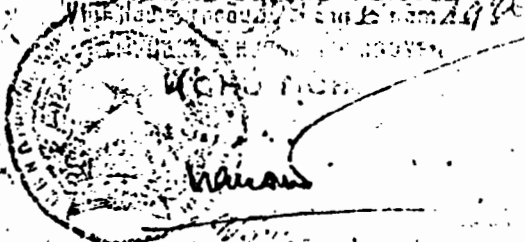
- Công nhận sự chấp thuận ly hôn giữa anh **LÊ HOÀI DỨC** và chị **THỊ AN**.
- Công nhận sự thỏa thuận về con chung: anh DỨC nuôi 3 đứa con: **LÊ NHẬT TRIỂN**, **LÊ NHẬT PHƯƠNG** và **LÊ HOÀI MIỀN**, chị AN nuôi 1 con: **LÊ NHẬT THỨC**. Không nên bảo vệ quyền nuôi con chung nào. và được quyền nuôi con chung.

Anh DỨC với chị AN mỗi người phải chịu 1/2 án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Đã khai báo trước sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

XÁC NHẬN SAO BẢN CHÁNH CỘNG

U. B. N. D. PHƯỜNG 7 S. QUẬN



TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Thẩm phán

LÊ KÍ

TỔ THỊ NGA

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT 3/P3

Xã, thị trấn: GIA ĐỊNH

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số:

Thị xã, Quận: Cố Việt

Quyển số:

Thành phố, Tỉnh: XÃ THANH MỸ TÂY

GIẤY KHAI SINH

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>LÊ HOÀI ĐIỀN MINH</u>	Nam, Nữ	<u>Nam</u>
Sinh ngày, tháng, năm	<u>Ngày hai mươi tám tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm</u> <u>28 - 02 - 1975 - 7215</u>		
Nơi sinh	<u>Xã Thanh Mỹ Tây</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi, (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>LÊ HOÀI ĐỨC</u>	<u>MẸ KHAI SƠN</u>	
Dân tộc	<u>KINH</u>	<u>KINH</u>	
Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u>	<u>VIỆT NAM</u>	
Nghề nghiệp	<u>Đã học</u>		
Nơi ĐKNK thường trú	<u>21/15 Trường Tây, Hố Vĩnh Nguyên - An Trung</u>	<u>Đường Mỹ Sơn - Tỉnh Quảng Nam</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>LÊ HOÀI ĐỨC - 21/15 Trường Tây, Hố Vĩnh Nguyên - An Trung - Phường Vĩnh Nguyên - An Trung</u>		

NGƯỜI KHAI KÝ TÊN

Đang ký ngày 12 tháng 11 năm 1987

TM. UBND

Đường Vĩnh Nguyên

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

GV KÝ





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LÊ HỒ ĐỨC
Last Middle First
Current Address: 4/13 Khóm Truông Tây Hải
Feb. 1st 1942 Vĩnh Nguyên - Nha Trang
Date of Birth: Feb 1st 1942 Place of Birth: Nha Trang
Previous Occupation (before 1975) Capt.
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 23 To June 12 82
Years: 7 Months: _____ Days: _____
3. SPONSOR'S NAME: Lê Minh Tâm

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Trần Thị Giỏi</u>	<u>Sister</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Hoài Đức.
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01. Trần Thị Thảo	June 2 1952	Wife
02. Lê Hoài Điền Minh	2/28/75	son
03. Lê Thị Vân Khánh	April 30/77	daughter
04. Lê Thị Phương Khánh	March 13/81	daughter -

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
TRAI: XUAN LOC
Số: 377 CGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu số: 0019CTG Ban
hành theo công văn
số: 2565
Ngày 27-11-1972

0 0 0 5 7 8 2 2 5 5 2
SUSLD

G I ấ Y K A T R A I

- Theo thông tư số 968-BCA/TT ngày 31-05-1961 của Bộ Nội vụ
- Theo hành án vụ quyết định tha số: 107/QĐ ngày 22 tháng 05-81 của Bộ Nội vụ

NAY CẤP GIẤY THẢ CHO ANH CHỊ CỘNG SẢN ĐUỐI DẠY

Họ và tên: Lê Hoài Đức

Họ tên thường gọi:

Họ tên bí danh:

Sinh ngày: 01-02-1942 (ngày mốt tháng hai năm mạt giáp) (bỏ họ)

Nơi đăng ký thường trú trước khi bị bắt: 74/16 TRƯỜNG TA VINH NGUYỄN

Nay về cư trú tại 41/13 Tự Do Vinh Nguyễn Nhà Trưng Phú Khánh

Cán tại: Đại úy Sĩ Quan Ban 3

Bị bắt ngày 23-6-1975

án phạt: 15 năm

Theo quyết định án văn số: ngày tháng năm 19

của:

đã bị lang an

lan

cong thanh

nam

thang

Đã được giảm án:

lan cong thanh

nam

thang

NHAN

XET

QUA TRING

CAI

TAO

Quan che 12 thang

ngày 04 Tháng 06 Năm 1982

Lưu tay nguyên tro phải của

Người được cấp giấy GIẤY THẢ

LE HOAI DUC

DANH DAN SỐ 7332

LAM TẠI QUAN PHÁP

2

Trung ta (đã ký)

LE HOAI DUC

TRINH VAN THICH

SAC Y BAN CHANH

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VINH NGUYỄN



CHỦ TỊCH

ĐỖ VĂN MƯỜI

Tỉnh, Thành phố PHÚ CHANG
Quận, Huyện NHA TRANG
Xã, Phường VĨNH NGUYỄN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐÃ ĐĂNG KÝ
Quyền số 01
Số 859

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ TRẦN THỊ THẢO
Sinh ngày 02 - 06 - 1952
Quê quán VĨNH NGUYỄN NHA TRANG
Nơi đăng ký thường trú 184 TRẦN PHÚ
VĨNH NGUYỄN NHA TRANG
Nghề nghiệp LIÊN TỐC
Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM
Số CMND hoặc Hộ chiếu 82008930

Họ và tên người chồng LÊ HOÀI ĐỨC
Sinh ngày 01 - 02 - 1952
Quê quán VĨNH NGUYỄN NHA TRANG
Nơi đăng ký thường trú 4/15 TRẦN PHÚ
VĨNH NGUYỄN NHA TRANG
Nghề nghiệp LAO ĐỘNG
Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM
Số CMND hoặc Hộ chiếu

Kết hôn ngày 21 tháng 7 năm 19 88

Chữ ký người vợ

Thảo

Chữ ký người chồng

Đức

TM/UBND PHƯỜNG VĨNH NGUYỄN
CHỦ TỊCH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **20085830**

Họ tên **TRẦN THỊ THẢO**



Sinh ngày **02-06-1952**

Nguyên quán **Vĩnh Nguyên,
Nha Trang, Phú Khánh.**

Nơi thường trú **184E Tự Do,
Nha Trang, Phú Khánh.**

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Phật giáo**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

**Sẹo chằm cách 1cm5
dưới sau mép trái.**

Ngày 21 tháng 06 năm 1978

TRƯỞNG TY CÔNG AN



Trần Đại

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Vĩnh Nguyên
Thị xã, Quận Nha Trang
Thành phố, Tỉnh Phu Khanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

Mẫu số: HT3/72

EPH

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số: 930
Quyển số: 01

Họ và tên	<u>LÊ THỊ PHƯƠNG KHÁNH</u>	Nam, Nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày, tháng, năm	<u>ngày Mười Ba, tháng Ba, năm Một Nghàn Chín Trăm Tám Mươi Một (13/3/1981)</u>	
Nơi sinh	<u>Trưởng Tây Sơn, Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Phu Khanh.</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>LÊ ĐÌNH NGỌC</u> <u>1954</u>	<u>TRẦN THỊ THẢO</u> <u>1952</u>
Dân tộc, Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp Nơi ĐKK thường trú	<u>Công Nhân Xây Dựng</u> <u>Vĩnh Nguyên, Nha Trang.</u>	<u>Thợ Uốn Tơ</u> <u>Vĩnh Nguyên, Nha Trang.</u>
Họ tên, tuổi, nơi ĐKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Đình Ngọc - sinh năm 1954</u> <u>cư ngụ tại: 184E Tự Do, Vĩnh Nguyên,</u> <u>Nha Trang, Phu Khanh.</u> <u>Số CMND: 220538553.</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

ngày 20 tháng 07 năm 19 81

TM. UBND Vĩnh Nguyên ký tên đóng dấu

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Đăng ký ngày 13 tháng 4 năm 19 81

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Tm. UBND PHƯƠNG VINH NGUYỄN

ỦY VIÊN THỦ KÝ

(Đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN VĂN KHAI

Minh chứng thực

ỦY BAN NHÂN DÂN Vĩnh Nguyên CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã, Thị trấn Nha Trang Độc lập Tự Do Hạnh Phúc
Thị xã, Quận Phu Khanh
Thành phố, Tỉnh Phu Khanh

Mẫu số : HT3/P2

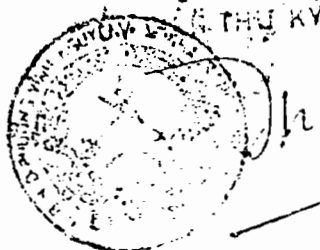
BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số : 373
Quyển số : _____

Họ và tên	LÊ THỊ VĂN KHÁNH	Nam, Nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày, tháng, năm	ngày Ba Mươi, tháng Tư, năm Một Nghì Chín Trăm Bảy Mươi Bảy (30/4/1977)	
Nơi sinh	Nhà hộ sinh tư Nguyễn Thị Giỏi Vĩnh Nguyên.	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LÊ ĐÌNH NGỌC 1954	TRẦN THỊ THẢO 1952
Dân tộc, Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam
Nghề nghiệp	Công Nhân Xây Dựng	Thợ Dệt Tơ
Nơi ĐKNK thường trú	184 - khóm Trường Tây Sơn	184 - khóm Trường Tây Sơn
Họ tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Đình Ngọc, sinh năm 1954, hiện ngụ tại Khóm Trường Tây Sơn, Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Phú Khanh.	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

ngày 20 tháng 7 năm 19 88
TM. U.B.N.D. Vĩnh Nguyên ký tên đóng dấu



Phạm Thị Minh Hiền

Đăng ký ngày 28 tháng 5 năm 19 77

(Ký tên, đóng dấu chỉ rõ chức vụ)
TM. UBND **PHUONG VINH NGUYEN**

Ủy Viên Thường Trú
(Đã ký và đóng dấu)
VÕ VĂN MƯỜI

Thành phố, Tỉnh: **X. THANH HÓA**

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

 $S\delta^r$

Quyển số :

GIẤY KHAI SINH

[illegible]

Họ và tên	LÊ HOÀI DIỆM KINH		Nam, 60	Nam
Sinh ngày, tháng, năm	Ngày hai mươi lăm, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm 25 - 02 - 1975 - 7525			
Nơi sinh	Xã Thuận Mỹ Tây			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi. (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LÊ HOÀI ĐỨC		LÊ THỊ AN	
Dân tộc	KINH		KINH	
Quốc tịch	VIỆT NAM		VIỆT NAM	
Nghề nghiệp	Đã nghỉ hưu		Đã nghỉ hưu	
Nơi ĐKNK thường trú	41/15 Trường Tây, Hải Vinh Nguyễn - Nha Trang		Trường Tây, Sơn - Vinh Nguyễn Nha Trang	
Ho, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai.	LÊ HOÀI ĐỨC 41/15 Nha và Trường Tây, Hải Vinh Nguyễn - Nha Trang - Phú Khánh			

NGƯỜI KHAI KÝ TÊN

Đang lý ngày 18 tháng 11 năm 1937

TM. UENI

Đường Vĩnh Nguyên

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

উদ্ভিদ

ky

Quyết định số: 138
Ngày 13/8/1982
Thủ lý số: 140
Ngày 13/8/1982

VIỆT NAM CỘNG HÒA TUYÊN BỐ LỆ NỢN

Hôm nay ngày 13 tháng 12 năm 1982 hội đồng tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang do bà Võ Thị Nga làm phiên tòa xét việc chuyển tính lý hôn nhân.

- Anh LÊ HOÀI ĐỨC 40 tuổi, Nghề nghiệp: chăn nuôi, trú tại xã 13 Trưng Tây Hải-Phước, Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang, có mặt.
- Và chị em THI AN, nghề nghiệp: buôn bán, trú tại 7/16 Khóm Trườn, Tây Sơn Vĩnh Nguyên Nha Trang, có mặt.

Anh ĐỨC với chị AN lấy nhau năm 1966 do tự nguyện, có đăng ký hôn nhân tại làng Trưng Tây, nay là Ủy ban Nhân dân Phường Vĩnh Nguyên, có 4 con chung tên: LÊ NHẬT TRIỂN NGA sinh 1968, LÊ NHẬT TRÚC NGA sinh 1969, LÊ NHẬT PHƯƠNG OANH sinh năm 1972, LÊ HOÀI DIỄN MINH sinh năm 1975. Qua trình vụ chồng chồng rất là ghen ghét. Năm 1975 anh ĐỨC đi học, tại thời gian ở trong trại cải tạo gần 7 năm chị AN đi thăm anh ĐỨC chỉ có 1 lần, anh ĐỨC chỉ rằng trong thời gian này chị AN đi quan hệ bất chính, tình cảm không lành mạnh với 1 vài thái xé và xảy ra những việc không hay, nay anh xé thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, kết thúc tình cảm này. Anh ĐỨC đòi với chị AN không nên, anh xin ly hôn. Bà chị AN cũng rất thấy vợ chồng không hợp tu nên chị cũng đồng ý ly hôn. Nghi đơn này được nhận đủ chuyển tính lý hôn nhân 2 người.

Về con chung. Anh ĐỨC xin nuôi 3 cháu: LÊ NHẬT TRIỂN NGA, LÊ NHẬT PHƯƠNG OANH, LÊ HOÀI DIỄN MINH. Chị AN xin nuôi 1 cháu LÊ NHẬT TRÚC NGA. Không bên nào yêu cầu chi tốn nuôi con chung nào.

Về tài sản chung: Không có.

- Căn cứ sự chuyển tính lý hôn nhân anh LÊ HOÀI ĐỨC và chị em THI AN.
- Căn cứ vào thực trạng về con chung.
- Căn cứ vào diện 25, 31, 32 và 33 luật hôn nhân gia đình.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG
QUYẾT ĐỊNH

- Công nhận sự chuyển tính lý hôn nhân giữa anh LÊ HOÀI ĐỨC và chị em THI AN.
- Công nhận sự thừa nhận và con chung: anh ĐỨC nuôi 3 cháu: LÊ NHẬT TRIỂN NGA, LÊ NHẬT PHƯƠNG OANH, LÊ HOÀI DIỄN MINH. Chị AN nuôi 1 cháu: LÊ NHẬT TRÚC NGA. Không bên nào gọi chi tốn nuôi con chung nào. và được quyền qua lại thăm con chung.

Anh ĐỨC với chị AN mỗi người phải chịu 1 nửa án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Báo hai bên đương sự biết tức quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

VIỆT NAM CỘNG HÒA

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG V. NGUYỄN
THÀNH PHỐ NHA TRANG



TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG
Thẩm Phán

Đã ký

VŨ THỊ NGA

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN TỈNH PHÚ KHẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Số: 25 / 57

Ngày 31 tháng 05 năm 1979

GIAM ĐỐC CÔNG AN TỈNH PHÚ KHẾN

Căn cứ nghị quyết số 13/NQ-TP ngày 30 tháng 5 năm 1979 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Thông tư số 121-SP ngày 1 tháng 5 năm 1979 của Bộ Công An; Nghị quyết số 144-CP ngày 01 tháng 10 năm 1979 của Hội đồng chính phủ.

Thực hiện quyết định số 05, ngày 14 tháng 3 năm 1979 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Phú Khánh về tập trung cải tạo giam giữ những phần tử có hành vi phạm tội cho trở lại an toàn xã hội.

XÉT: QUẢ TRÌNH HỌC TẬP VÀ CÔNG TÁC

Thầy được tập luyện, thể hiện tiến bộ.

Được cử làm công nhân viên chức và sau khi được hội đồng xét duyệt nhất trí.

RA LỆNH

Họ và tên: **LÊ HÒA S** **Mí Dành**
Sinh ngày: **Tháng 1 năm 1942**
Quốc tịch: **Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo:**
Sinh quán:
Trụ quán: **21/2 Trường Tây Hải, Phường Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Phú Khánh.**
Đã có hình thức: **Đã chấp nhận đi học ngoài.**
Bắt đầu cải tạo: **ngày 05 tháng 05 năm 1979.**
Nay được thả về tại: **21/2 Trường Tây Hải, Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Phú Khánh.**
(Giao cho chính quyền địa phương quản lý thời hạn 30 ngày)

Khi về địa phương được cơ quan chức năng tiếp nhận và quản lý theo quy định của pháp luật về cải tạo và giáo dục.

XÁC NHẬN UBND PHƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH PHÚ KHẾN
PHÓ GIÁM ĐỐC
SÁ KI
PHÂN ĐỐC TỈNH

Xác nhận
Số 01/SL
Vĩnh Nguyên ngày 1 tháng 6 năm 1986
1986
Ký

TÒA SƠ THẨM NHẬT TRẠNG
TÒA HÒA GIẢI QUÂN Vĩnh - Xương

BIÊN BẢN THỂ VỊ: KINH - NGH

của LÊ - NGAI - ĐỨC

Trước mặt chúng tôi Pháo - Lành - 1

thẻ kiểm tra căn cước số 12EB.000418, cấp tại Vĩnh-Xương ngày 17/8/1955
ngụ tại Thôn Trường-Tây, Xã Vĩnh-Nguyên, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa
đến trình-diện rằng hiện nay y không thể xin sao lục Khôi - Sinh của cha
cha y được vì lẽ bản chính bị thất lạc và sổ bộ đã bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến tranh.

Miễn lệ phí
sử dụng ngày
17-11-1947

Nên yêu cầu bản Tòa bằng vào lời khai các nhân chứng sau đây, do y triệu đến, đề lập cho y biên bản thay thế chứng thư hộ-tịch nói trên.

Liên đó có đến trình diện :

- 1) **Nguyễn - Văn - Hùng**, 50 tuổi, nghề nghiệp **Làm biển**
chánh quán tại **Thôn Trưng-Tây, Xã Vĩnh-Nguyên, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa**
thẻ kiểm tra căn cước số **90A.000036** cấp tại **Vĩnh-Xương** ngày **17/8/1955**
ngụ tại **Thôn Trưng-Tây, Xã Vĩnh-Nguyên, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa**
- 2) **Nguyễn - Hiệp**, 50 tuổi, nghề nghiệp **Làm biển**
chánh quán tại **Thôn Trưng-Tây, Xã Vĩnh-Nguyên, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa**
thẻ kiểm tra căn cước số **032A.000173** cấp tại **Vĩnh-Xương** ngày **17/8/1955**
ngụ tại **Thôn Trưng-Tây, Xã Vĩnh-Nguyên, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa**
- 3) **Nguyễn - Văn - Tin**, 34 tuổi, nghề nghiệp **Làm biển**
chánh quán tại **Thôn Trưng-Tây, Xã Vĩnh-Nguyên, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa**
thẻ kiểm tra căn cước số **032A.000162** cấp tại **Vĩnh-Xương** ngày **17/8/1955**
ngụ tại **Thôn Trưng-Tây, Xã Vĩnh-Nguyên, Quận Vĩnh-Xương, Tỉnh Khánh-Hòa**

Ba nhân chứng nói trên, sau khi nghe đọc các khoản trên đây và điều 337 Hoàng-Việt Hộ-tư pháp tại ngày tháng và việc họ (từ 1 năm tù hay phạt bạc từ 30\$ đến 120\$) đã tuyên-thệ và chứng thật có biết rằng:

L 2 - H 0 1 - 1 0 0

Sinh ngày một, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bốn mươi hai (1-2-1942)
tại Thôn Trường-Tây, Xã Vĩnh-Nguyên, Quận Vĩnh-Trung, Tỉnh Khánh-Hóa
là con của ông Lê - Văn - Đôn (P) và bà Nguyễn - Thị - Tư (S)

Và duyên-cớ mà đương sự không thể xin sao lục chứng-thư hộ-tịch được là vì
bản-chính đã bị thất lạc và sổ bộ bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến-tranh.

Bởi vậy Bản Tòa, chiếu theo sự kiện trên và các điều 47, 48 Hoàng-Việt Hộ-tư pháp
lập biên bản thế vì ~~Khởi-tranh~~ cho tên Lê - Hoài - Đức

để tùy nghi tiện dụng, theo như đơn thỉnh cầu đã nộp tại bản Tòa ngày 9/3/1953

Sau khi đọc lại, đương sự và các nhân chứng đã ký tên dưới đây với chứng
tôi và Lục-sự.

Làm tại Vĩnh - Trung ngày, tháng, năm như trên.

Thư-ký kiêm Lục-Sự

Quản-Trưởng kiêm Thẩm-Phán

Lý Văn và đồng cấu

Lý Văn và đồng cấu

Nguyễn - Thị - Tư

Nguyễn - Thị - Tư

1 / Nguyễn - Văn - Đôn - Nhân-chứng

Đương-sự,

2 / Nguyễn - Thị - Tư - Nhân-chứng

Nguyễn - Thị - Tư - Nhân-chứng

3 / Nguyễn - Văn - Đôn - Nhân-chứng

Nguyễn - Văn - Đôn - Nhân-chứng

LỤC-SỰ

Vĩnh - Trung

18 - 3 - 53

Duyệt tem và trước ba tại Nha Trang

ngày tháng năm 19

Quyền tờ số

Thu : Miễn thuế

CHỦ SỰ,

Vĩnh - Trung

(trang 2)

Ôn cứ vào điều 25, 31, 32 và 33 luật hôn nhân và gia đình .

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thảo và anh Lê Đình Ngọc .

Chị Thảo tiếp tục nuôi 2 con chung Lê Thị Văn Khánh sinh năm 1977 và Lê Thị Phương Khanh sinh năm 1981. Anh Ngọc góp phần nuôi con cho chị Thảo 150đ/tháng kể từ tháng 12 năm 1986 đến khi con trưởng thành và được quyền qua lại thăm nom con chung không có quyền cản trở. Số tiền trên hàng tháng anh Ngọc trực tiếp giao cho chị Thảo nhận .

Chị Thảo và anh Ngọc mỗi người phải chịu 15đ tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, nhưng được tính cho chị Thảo trong 30đ chi tạm nộp trước và hoàn trả lại cho chị Thảo 15đ.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định .

/// Nha Trang, ngày 23 tháng 12 năm 1986

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Thẩm Phán

(Đã ký và đóng dấu)

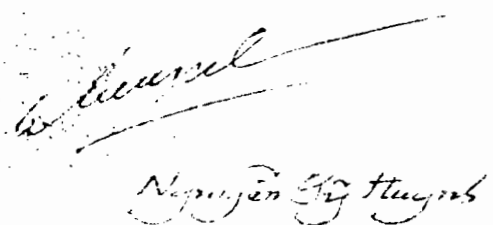
VÕ THỊ NGÀ

SAO Y BẢN CHÍNH

(/ Tỉnh Nguyễn, ngày 21 tháng 7 năm 1988

Tm. UBND PHƯỜNG

CHỦ TỊCH


Nguyễn Thị Hương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG**

Quyết định số: 278
Ngày 11/12/1986
Thủ lý số: 242
Ngày 30/10/1986.

**Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**

Hôm nay ngày 11 tháng 12 năm 1986 tại trụ sở Tòa Án Nhân Dân Thành Phố Nha Trang do bà Võ Thị Nga tham phán đại diện xét - việc thuận tình ly hôn giữa:

- Ch. TRẦN THỊ THẢO 34 tuổi, nghề nghiệp Un tọc. Trú 41/19 khóm Tây Hà, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang;
- và Anh LÊ ĐÌNH NGỌC 32 tuổi, nghề nghiệp Nh.ép. Anh. Trú 184E Trại Phú, phường Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Hai bên đều có mặt.

/)/ Q. DUNG SỰ VIỆC NHƯ SAU

Theo lời trình bày của Ch. Trần Thị Thảo thì xây dựng với Anh Lê Đình Ngọc ngày 12/10/1976 do tự nguyện có đăng ký kết hôn. Có 2 con chung Lê Thị Văn Khanh sinh năm 1977 và Lê Thị Phương Khanh sinh năm 1981.

Hai người chung sống với nhau cho đến năm 1982 thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh Ngọc đi ngoại tình với cô Trương Thị Ngọc. Anh Ngọc có đưa cô Anh về ăn ở trong nhà. Anh theo trách nhiệm với mẹ con chị Thảo. Việc này anh Ngọc cũng chấp nhận, anh có quan hệ với chị. Anh đã ba năm nay, chính quyền địa phương và các đoàn thể đã giáo dục giúp đỡ nhiều lần nhưng không đem lại kết quả. Từ đó dần đến mâu thuẫn ngày càng càng tăng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hoàn toàn không đạt được. Và trước tòa hôm nay hai bên vẫn yêu cầu Tòa Án công nhận việc thuận tình ly hôn là phù hợp với điều 25 luật hôn nhân và gia đình. Nghĩ nên chấp nhận và thực tế hai bên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng gần bốn năm nay.

Về con chung, hai bên thỏa thuận chị Thảo tiếp tục nuôi 2 con chung lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 5 tuổi. Anh Ngọc cấp phí tổn cho chị Thảo nuôi con 150đ/tháng.

Tài sản chung hai bên xác nhận không có gì nên Tòa không xét.

Căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn và sự tự nguyện giữa 2 bên.

AMHATRONG 09.09.1988

Kính thưa Bà Hội Trưởng

Tôi tên Lê Hoài Đức sinh ngày 01.02.1942

Định cư 41/13 Trường Tây Hải Vĩnh Nguyên Minh Trang

Cấp Bậc Đại úy Số quân 62/41750B

Khoá 20 Trường Võ Bị Quốc gia Đà Lạt (1963.1965)

Binh chủng Thủy Quân Lục Chiến (1965.1975)

Tôi được đi học tập Cải tạo thời gian hơn 10 năm gồm 2 lần:

Lần 1/ Từ 23.06.1975 đến 4.6.82 tại các tỉnh Miền Bắc: Sơn La

Lai Châu - Yên Bái - Thanh Hoá - và được phong thích tại Binh tuy

Lần 2/ Từ 5.5.83 đến 31.05.1986 tại ABC Minh Trang (tôi tố

chức vượt biên)

Trong cuộc tôi, vô vi "ENGAI" do đó từ trước đến nay tôi

gặp

1 hồ sơ nộp cho chương trình ODP hoặc im. Phó

để

định cư

Từ khi có chương trình tôi định cư cho từ 1000 người này 1 tháng

tôi có gửi 1 hồ sơ cho ODP ở thời gian vô 1 hồ sơ cho em tôi tên:

Lê Minh Tâm

Mừng đến nay cuộc sống có phần tốt hơn.

Máy mới thay hôm nay nhận được định cư của hội tôi với số

ngày hồ sơ cho Bà mong Bà giúp đỡ cho trường hợp vô tình

trong của tôi, liên lạc với các cơ quan thẩm quyền Hoa Kỳ

CỦNG VẺ MƯỜNG HỢP CỦA TÔI. ĐỂ NẾU CÓ CHƯỠNG TRỊNH TÔI ĐILH CŨ
CHO TỪ CỎI TẠO, THÌ TÔI CŨNG ĐƯỢC NHẬP PHẦN NHƯ CÁC ĐƠN CỦA TÔI.
NGANG BỎ HẾT LÔNG SIÊU ĐỎ. GIN ĐIỂM TÔI XIN THAM THẠCH ĐÔI CẢ
BỎ TRƯỚC.

YIN BỎ ĐANH IT THỜI GIỜ NHỎ LỜI VỀ KẾT QUẢ. SIN ĐIỂM TÔI ĐANG
NGAY ĐỀM MONG NGON TİN BÀ
KINH CHÚC BỎ VON SỰ NHƯ Ý.


LÊ HOÀI ĐỨC

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP EV # _____

Date: _____

Ngày: July 12, 1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : ĐỨC LÊ HOÀI Sex: Phái MALE
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : FEBRUARY 1, 1942 TRƯỜNG TÂY VINH NGUYỄN NHATRONG
4. Residence Address,
Địa-chỉ thường-trú : 41/13 KHUAI TRƯỜNG TÂY HAI VINH NGUYỄN NHATRONG VIET NAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 41/13 KHUAI TRƯỜNG TÂY HAI VINH NGUYỄN NHATRONG VIET NAM
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : UNEMPLOYMENT

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship, Liên-hệ gia-đình	
1. <u>THAO TRẦN THỊ</u>	<u>JUNE 02, 1952</u>	<u>VINH NGUYỄN NHATRONG</u>	<u>ĐU KHUAI</u>	<u>FEMALE</u>	<u>MARRIED</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>MINH LÊ HOÀI ĐIỀN</u>	<u>FEBRUARY 28, 1975</u>	<u>THÀNH MỸ TÂY</u>	<u>MALE</u>	<u>SINGLE</u>		<u>SON (CHILD)</u>
3. <u>KHAI LÊ THỊ VÂN</u>	<u>APRIL 30, 1977</u>	<u>VINH NGUYỄN NHATRONG</u>	<u>FEMALE</u>	<u>(S)</u>		<u>DAUGHTER</u>
4. <u>KHAI LÊ THỊ PHƯƠNG</u>	<u>MARCH 13, 1981</u>	<u>VINH NGUYỄN NHATRONG</u>	<u>FEMALE</u>	<u>(S)</u>		<u>DAUGHTER</u>
5. .						
6. .						
7. .						
8. .						
9. .						
10. .						
11. .						
12. .						

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : TÂM LÊ MINH

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : YOUNGER BROTHER

c. Address
Địa-chỉ : 436 LEONARD NE GRAND
RAPIDS MI 49503 USA

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : 1981

GIỎ TRẦN THỊ
OLDER SISTER
348 HAUTHORNE CT
N.E. SALEM OREGON
97301 USA
1978

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác.

a. Name
Họ, tên : THỎ LÊ THỊ THANH

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : (daughter)
NIECE (GIRL OF MY BROTHER)

c. Address
Địa-chỉ : KUKUSAI KYUEN CENTER
321 Yashio SHINGAWA
KY 140, TOKYO 140 Japan

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : HACH LÊ (DEAD)

2. Mother
Mẹ : TU NGUYEN THI (LIVING)

3. Spouse
Vợ/Chồng : THAO TRAN THI

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): AN ĐÀO THI

5. Children
Con cái:

(1)	<u>MINH LÊ HOANG DIEN</u>
(2)	<u>KHANH LÊ THỊ VĂN</u>
(3)	<u>KHANH LÊ THỊ PHƯƠNG</u>
(4)	
(5)	
(6)	
(7)	
(8)	
(9)	

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	<u>NGOC LÊ HOAI (OLDER BROTHER)</u>
(2)	<u>TÂM LÊ MINH (YOUNGER BROTHER)</u>
(3)	
(4)	
(5)	
(6)	
(7)	
(8)	
(9)	

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations
Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: ĐỨC LÊ HOÀI

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ NOVEMBER 23 1963 Đến APRIL 30 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : CAPTAIN Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 62/217508

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : 5th BATTALION MARINE CORP VIETNAM

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : GENERAL BUI THE LAN LIEUTENANT COLONEL
NGUYỄN VĂN PHON
ĐOÀN HỮU TÙNG
HÀ QUANG LỊCH

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : NO
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : CAPTAIN KENNEDY - CAPTAIN MARTIN
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam : _____
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: NAVY MEDAL Ngày nhận: 1968

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes X No NO.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đừng sợ có không? Có _____ Không _____.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : ĐỨC LÊ HOÀI
2. Time in Reeducation: From To:
Thời gian học-tập Từ: JUNE 23 1975 Đến: MAY 31 1986
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có _____ Không NO

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

- 1/ I HAVE BEEN IN RE EDUCATION CAMP TWICE
FIRST: FROM JUNE 23, 1975 TO JUNE 4, 1982
SECOND FROM MAY 5 1983 TO MAY 31 1986
- 2/ I HAD RECEIVED NAVY MEDAL OF US NAVY IN 1968 BUT THIS
CERTIFICATE HAD LOST IN 1975

Signature _____ Date _____
Ký tên : ĐỨC LÊ HOÀI Ngày: JULY 19 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1/ - 02 RELEASES CERTIFICATES
2/ - 04 COPIES OF BIRTH CERTIFICATES (1 of my mother 3 of my children)
3/ - 01 marriage certificate
4/ 02 divorce decrees
5/ 01 PHOTO
6/ 01 identification of my wife

ODP-B
6/84

FROM:

LÊ HOÀI DŨC

41/13 TÂY HẢI VINH NGUYỄN
NHA TRANG VIET-NAM



SEP 30 1988



TO: HỒI G. D. INCT

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

V.A. 222050635

USA

ĐT. 703 . 560. 0058

CONTROL

____ Card
____ ~~x~~ Doc.Request; ~~Form~~ 2H / H / 89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ OD?/Date _____
____ Membership; ~~Letter~~

form -